

Thành phố Huế, ngày 09 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý: 203/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1974; địa chỉ: 31/34 đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Ông Ngô Đạt T, sinh năm 1973; địa chỉ: 31/34 đường Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; các điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải T ngày 01 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình L hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà T ngày 01 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình L hôn giữa: Bà Trần Thị L và ông Ngô Đạt T

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Ngô Đạt T công nhận vợ chồng có 02 con chung: Ngô Thị Quỳnh N; sinh ngày: 5/6/1997 và Ngô Đạt Đ; sinh ngày: 09/10/2005. Hai bên thỏa thuận: giao con là Ngô Đạt Đ cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Đ trưởng T, đủ 18 tuổi. Cháu N đã trưởng T nên không giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Giao cho bà Trần Thị L được quyền sở hữu và quyền sử dụng sử dụng toàn bộ nhà đất là: Một ngôi nhà có diện tích xây dựng 39,4m², diện tích sàn là 83,5 m² trên thửa đất số 156, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 47,9m² tọa lạc tại địa chỉ: 01/287 đường L, phường P, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà L thanh toán cho ông T 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Bà L và ông T đã tiến hành giao nhận đủ số tiền 220.000.000 đồng vào ngày 01/7/2020.

2.3. Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có.

2.4. Về án phí: Bà L và ông T thỏa thuận bà L chịu toàn bộ án phí L hôn 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng. Tổng cộng bà L phải nộp 300.000 đồng. Bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 9789 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
 - VKSNDTP.Huế;
 - Chi cục THADS TP Huế;
 - Các đương sự;
 - UBND Phú Hội, Tp.Huế
- (ĐKKH ngày 31/12/1997);
- Lưu hồ sơ;
 - Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Thái Thị Hồng Vân